

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Bài Giảng

THỰC TẬP THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

NGÀNH: Công Nghệ May và thời trang
BẬC: Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)
LỚP: 16TC-MTT

Tài liệu lưu hành nội bộ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
--------------	---

PHẦN I: THIẾT KẾ MẪU

Bài 1: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN SẢN PHẨM ÁO

1.1 Mục tiêu	06
1.2 Hình vẽ mô tả phẳng	06
1.3 Bảng thông số kích thước.....	07
1.4 Công thức thiết kế.....	07
1.5 Hình vẽ thiết kế.....	08
1.6 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	08

Bài 2: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN SẢN PHẨM QUẦN

2.1 Mục tiêu	10
2.2 Hình vẽ mô tả phẳng	10
2.3 Bảng thông số kích thước.....	11
2.4 Công thức thiết kế.....	11
2.5 Hình vẽ thiết kế.....	12
2.6 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	12

Bài 3: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN SẢN PHẨM THỜI TRANG

3.1 Mục tiêu	13
3.2 Hình vẽ mô tả phẳng	13
3.3 Bảng thông số kích thước.....	14
3.4 Công thức thiết kế.....	15
3.5 Hình vẽ thiết kế.....	15
3.6 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	16

Bài 4: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO TÀI LIỆU KỸ THUẬT SẢN PHẨM ÁO

4.1 Mục tiêu	17
4.2 Hình vẽ mô tả phẳng	17
4.3 Bảng thông số kích thước.....	18
4.4 Công thức thiết kế.....	18
4.5 Hình vẽ thiết kế.....	19
4.6 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	21

Bài 5: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO TÀI LIỆU KỸ THUẬT SẢN PHẨM QUẦN

5.1 Mục tiêu	22
5.2 Hình vẽ mô tả phẳng	22
5.3 Bảng thông số kích thước.....	23
5.4 Công thức thiết kế.....	24
5.5 Hình vẽ thiết kế.....	24
5.6 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	25

Bài 6: THỰC HÀNH MAY MẪU SẢN PHẨM ÁO CHEMISE

6.1 Mục tiêu	27
6.2 Mô tả mẫu	27
6.3 Quy trình thực hiện	28

PHẦN II: NHẢY MẪU

Bài 1: NHẢY MẪU SẢN PHẨM ÁO

1.1 Mục tiêu	32
1.2 Các bước tiến hành nhảy mẫu	32
1.3 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	36

Bài 2: NHẢY MẪU SẢN PHẨM QUẦN

2.1 Mục tiêu	37
2.2 Các bước tiến hành nhảy mẫu	37
2.3 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	39

PHẦN III: GIÁC SƠ ĐỒ

Bài 1: GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN LOẠI VẢI TRƠN, VẢI MỘT CHIỀU

1.1 Mục tiêu	41
1.2 Các bước tiến hành giác sơ đồ	41
1.3 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa	42

TÀI LIỆU THAM KHẢO	45
---------------------------------	-----------

BẢNG KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ GIẢI
1	TCKT	Tiêu chuẩn kỹ thuật
2	TLKT	Tài liệu kỹ thuật
3	GSD	Giác sơ đồ
4	-----	Ký hiệu đường xếp đôi

PHẦN I: THIẾT KẾ MẪU

BÀI 1: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN SẢN PHẨM ÁO

1.1 MỤC TIÊU:

1.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm áo.

1.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm áo.

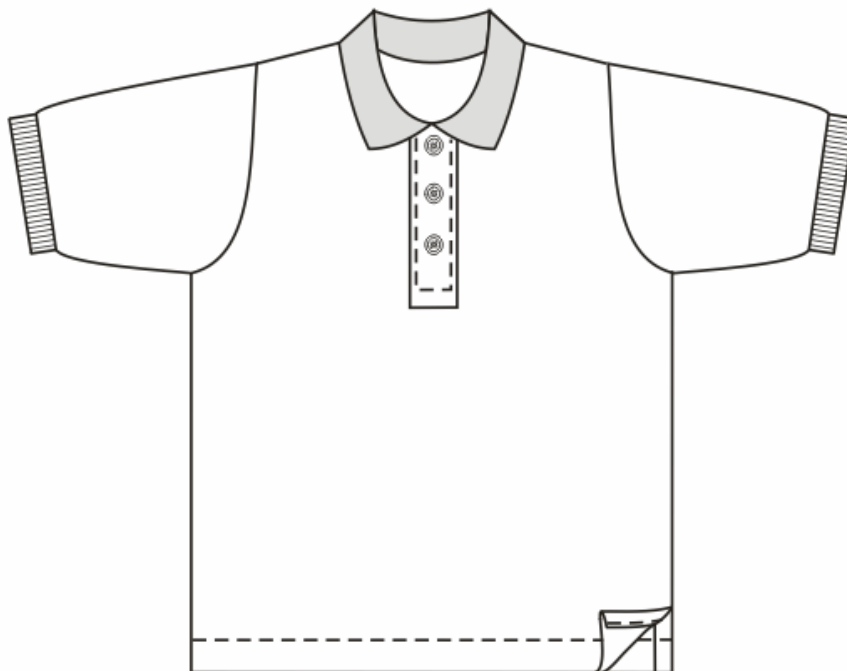
Sinh viên thiết kế đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đúng thông số kích thước, đúng mẫu sản phẩm, đảm bảo đầy đủ và đúng vị trí các dấu bấm trên sản phẩm, đường nét thiết kế trơn mịn không gãy nét, ...

Sinh viên thiết kế đảm bảo vệ sinh công nghiệp của sản phẩm và đúng thời gian qui định.

1.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm áo nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

1.2 HÌNH VẼ MÔ TẢ PHẪNG:



1.1 Hình vẽ mô tả phẳng

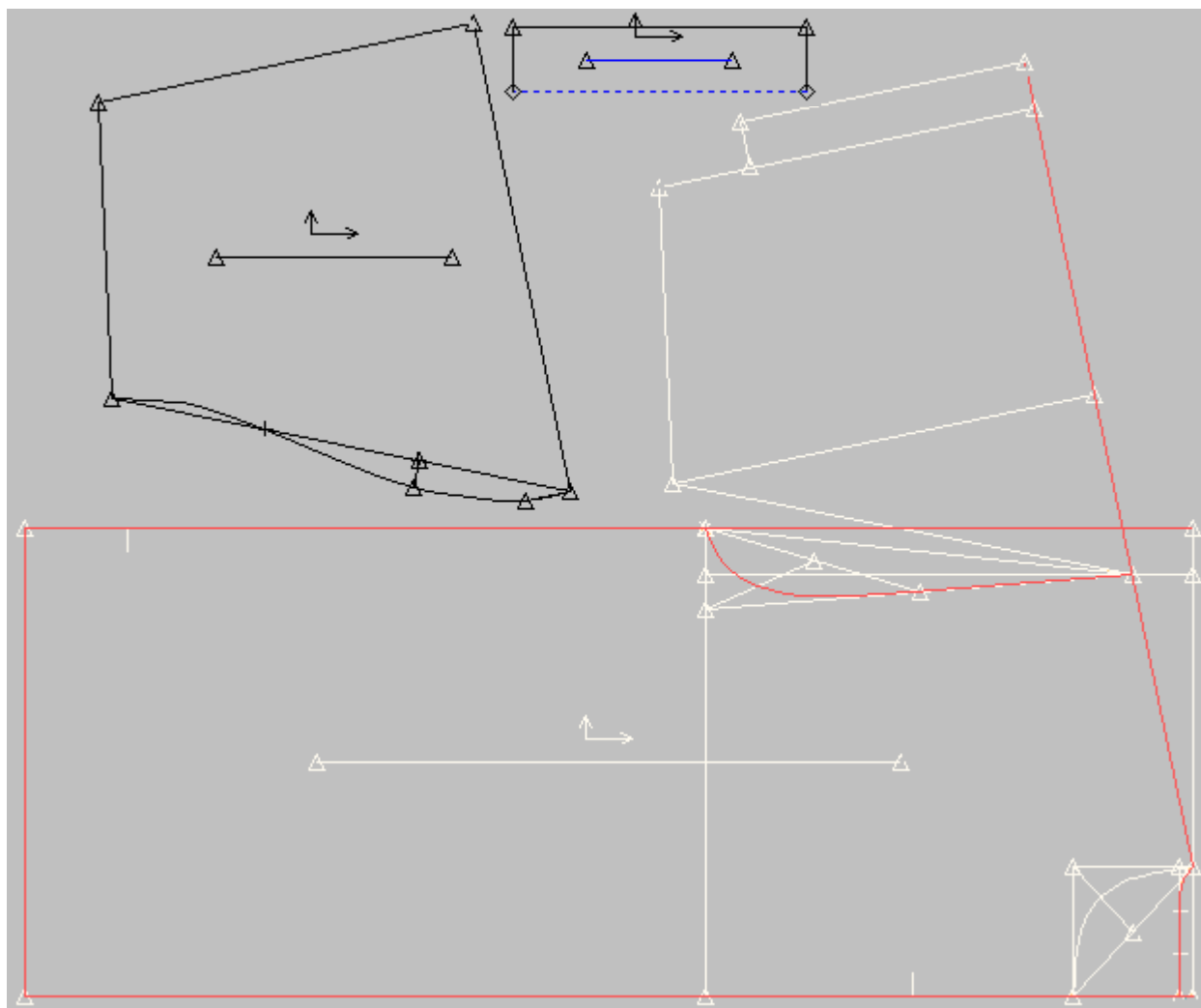
1.3 BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC:

Vị Trí Đo	S	M	L	XL	Dung Sai
Dài áo tính từ hạ cổ sau	25	25 ^{1/2}	26	26 ^{1/2}	1/2
Rộng ngực	20	22	24	26	1/2
Rộng vai	18	20	22	24	1/2
Hạ xuôi vai	1 ^{3/4}	2	2 ^{1/4}	2 ^{1/2}	1/4
Rộng nách	9 ^{1/2}	10	10 ^{1/2}	11	1/4
Cửa tay	7	7 ^{1/2}	8	8 ^{1/2}	1/8
Dài tay từ đỉnh vai	12	13	13 ^{1/2}	14	0
Rộng cổ sau	6 ^{1/2}	6 ^{3/4}	7	7 ^{1/4}	1/2
Hạ cổ sau	3/4	3/4	3/4	3/4	0
Hạ cổ trước từ hạ cổ sau	2 ^{1/2}	2 ^{3/4}	3	3 ^{1/4}	1/4
Dài trụ	6	6	6	6	0
Rộng nếp trụ	1 ^{3/4}	1 ^{3/4}	1 ^{3/4}	1 ^{3/4}	0
Cao bo lai	1	1	1	1	0

1.4 CÔNG THỨC THIẾT KẾ:

- Rộng cổ = $\frac{1}{2}$ thông số
- Hạ cổ sau = thông số
- Hạ cổ trước = thông số
- Rộng vai = $\frac{1}{2}$ vai
- Hạ xuôi vai = thông số
- Ngang ngực = $\frac{1}{2}$ rộng ngực
- Hạ ngực = thông số rộng nách
- Dài tay = thông số - bo lai
- Dài áo = thông số
- Ngang lai = ngang ngực
- Hạ nách tay = 1/10 ngực
- Ngang nách tay = rộng nách thân
- Cửa tay = $\frac{1}{2}$ cửa tay + 2 → 4cm
- Bo lai
 - + Cao = thông số
 - + Dài = thông số
- Trụ cổ
 - + Dài = thông số
 - + Rộng = thông số

1.5 HÌNH VẼ THIẾT KẾ:



1.2 Thân trước, thân sau, tay áo, trụ áo

1.6 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
2.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường
3.	Hình thiết kế không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dựng hình sử dụng thước chưa chính xác, bị lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Rèn luyện cách sử dụng thước cho thuần thục

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các chi tiết thân trước, thân sau, tay áo, trụ tay của sản phẩm áo polo shirt, tiến hành thiết kế size S.

BÀI 2: THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN SẢN PHẨM QUẦN

2.1 MỤC TIÊU:

2.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm quần.

2.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm quần.

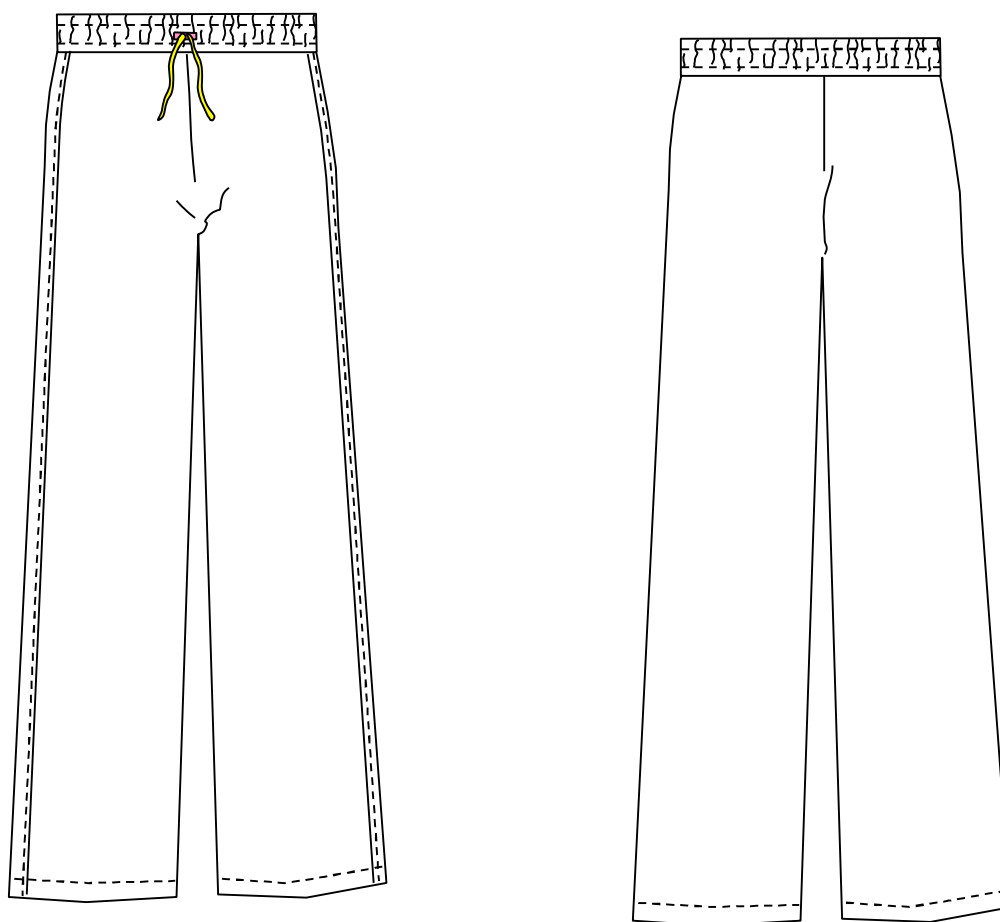
Sinh viên thiết kế đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: : đảm bảo đúng thông số kích thước, đúng mẫu sản phẩm, đảm bảo đầy đủ và đúng vị trí các dấu bấm trên sản phẩm, đường nét thiết kế trơn mịn không gãy nét, ...

Sinh viên thiết kế đảm bảo vệ sinh công nghiệp của sản phẩm và đúng thời gian qui định.

2.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm quần nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

2.2 HÌNH VẼ MÔ TẢ PHẪNG:



Hình 2.1 Hình vẽ mô tả phẳng

2.3 BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC:

Vị Trí Đo	S	M	L	XL
Dài sườn ngoài	80	82	84	86
Rộng lưng đo kéo	76	80	84	88
Rộng hông	84	88	92	96
Vòng đùi	52	54	56	58
Đáy trước	25	26	27	28
Đáy sau	33	34	35	36
Vòng lai	36	38	40	42
Hạ túi từ đỉnh lưng	6	6	6	6
Dài miệng túi	14	14	14	14

2.4 CÔNG THỨC THIẾT KẾ:

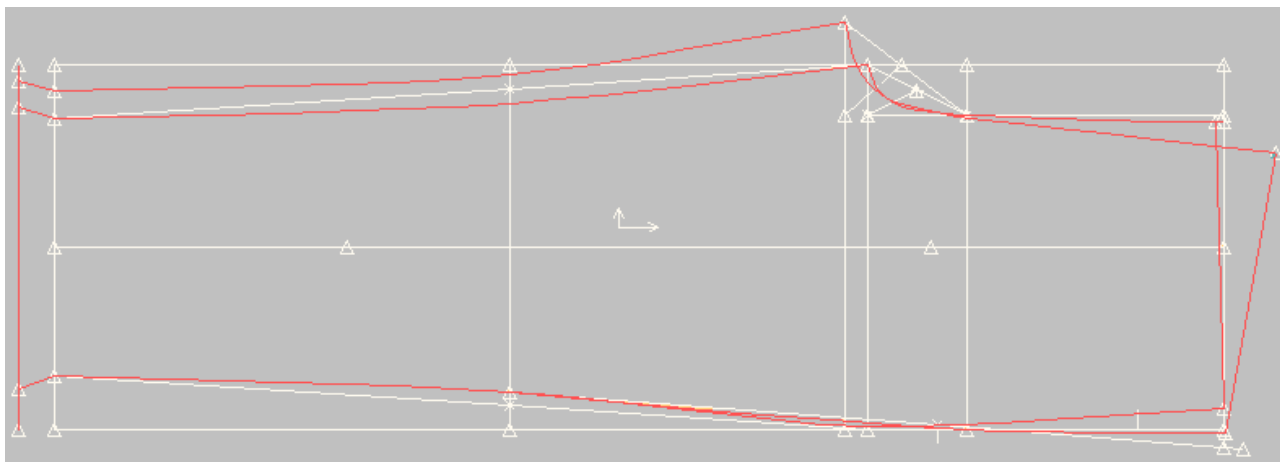
2.4.1 Thân trước:

- Hạ đáy = thông số dài đáy trước – 1cm.
- Hạ hông = $\frac{1}{3}$ hạ đáy hoặc = 5 $\rightarrow$ 7cm.
- Hạ đùi = hạ đáy.
- Dài quần = thông số dài sườn ngoài.
- Ngang hông = $\frac{1}{4}$ hông.
- Rộng đáy = 3.5cm.
- $\rightarrow$ Vẽ vòng đáy = thông số.
- Ngang eo = $\frac{1}{4}$ eo.
- Đường chính trung = $\frac{1}{2}$ ngang đáy trước.
- Ngang gò = $\frac{1}{2}$ gò – 1 $\rightarrow$ 2cm.
- Ngang lai = $\frac{1}{2}$ lai – 1 $\rightarrow$ 2cm.

2.4.2 Thân sau:

- Hạ đáy sau = 1 $\rightarrow$ 1.5cm từ đáy trước
- $\rightarrow$ Vẽ sườn ngoài thân sau
- Ngang đùi sau = thông số vòng đùi – đùi thân trước
- Ngang lai = ngang lai trước + 2cm
- Ngang eo sau = ngang eo trước

2.5 HÌNH VẼ THIẾT KẾ:



Hình 2.2 Thân trước, thân sau

2.6 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA:

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
2.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường
3.	Hình thiết kế không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dựng hình sử dụng thước chưa chính xác, bị lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Rèn luyện cách sử dụng thước cho thuần thục

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các chi tiết thân trước, thân sau, tay áo, trụ tay của sản phẩm áo polo shirt, tiến hành thiết kế size S.

BÀI 3: **THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO MẪU CHUẨN** **SẢN PHẨM THỜI TRANG**

3.1 MỤC TIÊU:

3.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm thời trang.

3.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm thời trang.

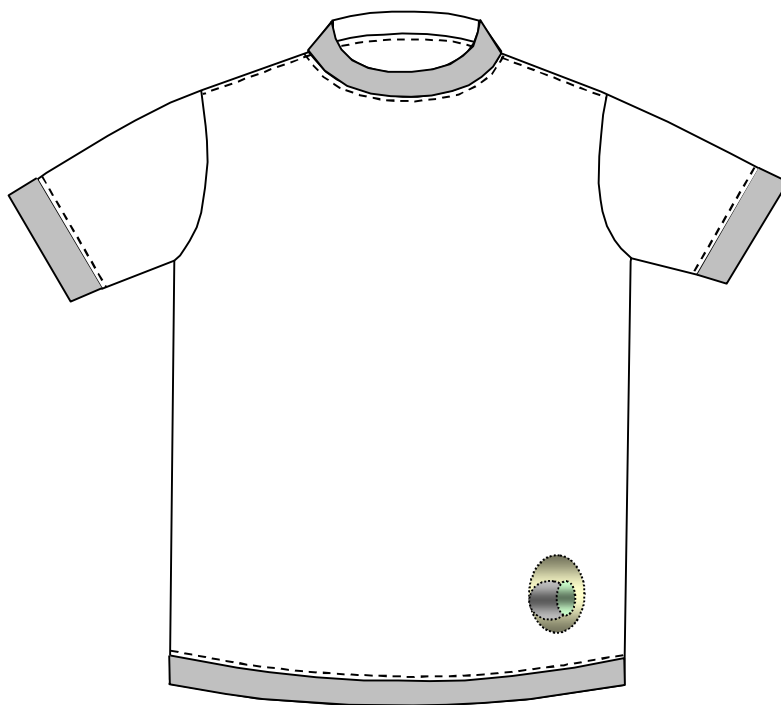
Sinh viên thiết kế đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đúng thông số kích thước, đúng mẫu sản phẩm, lấy dấu chính xác các vị trí cần thiết trên sản phẩm, đường nét thiết kế trơn mịn, ...

Sinh viên thiết kế đảm bảo vệ sinh công nghiệp của sản phẩm và đúng thời gian qui định.

3.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế mẫu theo mẫu chuẩn sản phẩm thời trang nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

3.2 HÌNH VẼ MÔ TẢ PHẪNG:



Hình 3.1 Hình vẽ mô tả phẳng

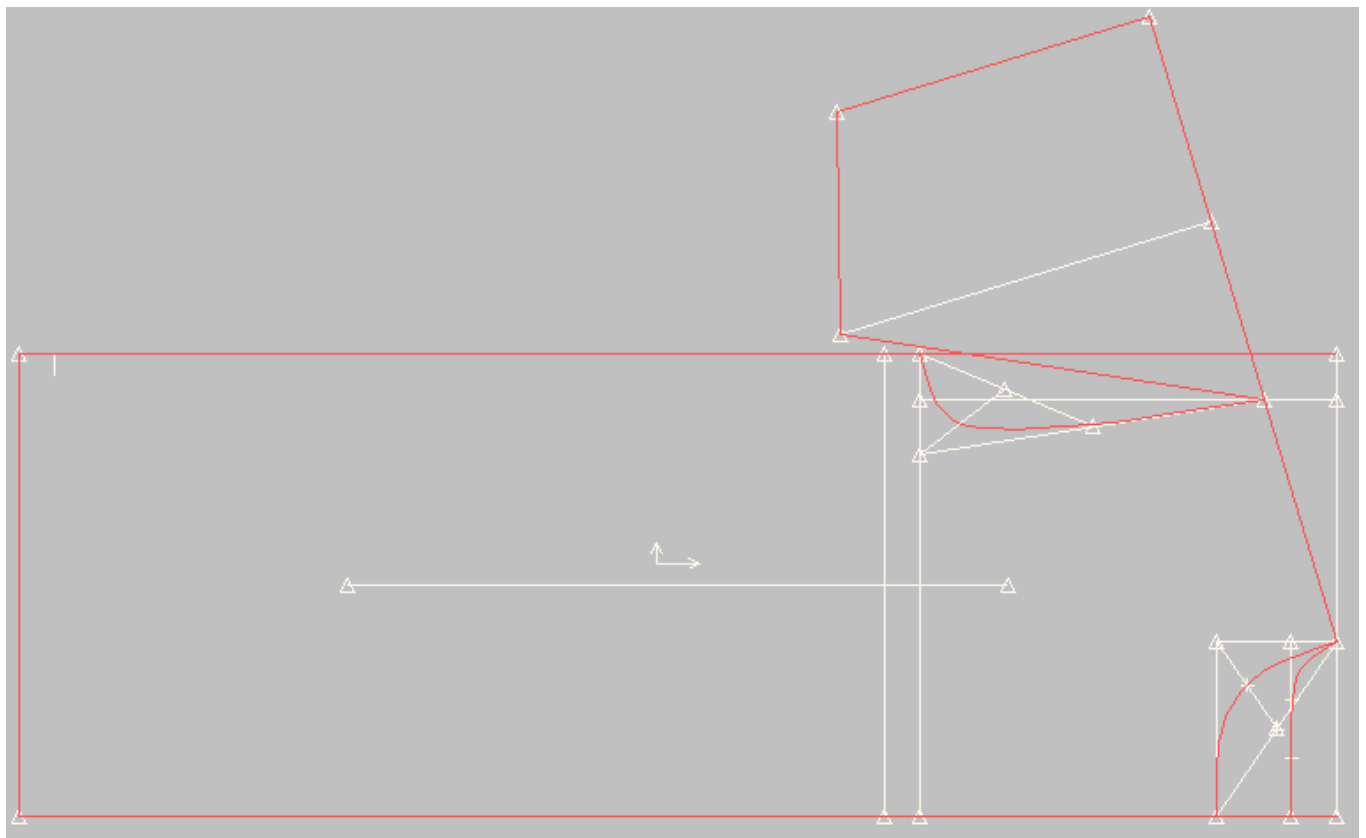
3.3 BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC:

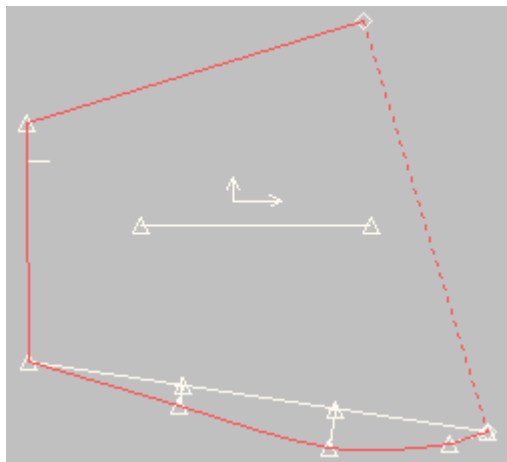
Finn Flare		Style		B 09 – 21060.		2008	
Art	Name	S	M	L	XL	2XXL	3XXL
		176-62-80	176-96-84	182-100-88	182-104-92	188-108-96	188-112-100
MEASUREMENT							
Center Back Length Dài áo		66	66	68	68	70	70
Neck Width Rộng cổ		18.8	19.2	19.6	20	20.4	20.8
Neck Drop Back: Hạ cổ sau		2.6	2.6	2.7	2.7	2.8	2.8
Shoulder To Shoulder Ngang vai		45	46	47	48	49	50
Armhole Straight Nách đo thẳng		22.5	23	23.5	24	24.5	25
½ Chest ½ Ngang ngực đo dưới nách 2cm		49	51	53	55	57	59
½ Bottom ½ Ngang lai		49	51	53	55	57	59
Neck Drop Front Hạ cổ trước		6.7	6.7	7	7	7.3	7.3
Callar Rib width To Bản Cổ		2	2	2	2	2	2
Shoulder Seam Placement Forward Chỗ vai		0	0	0	0	0	0
Sleeve Length Incloude Rib Dài tay gồm rib		22	22	23	23	24	24
1/ 2 Biceps ½ bắp tay		20.8	21.4	22	22.6	23.2	23.8
½ Sleeve bottom ½ Cửa tay		18	18	19	19	20	20

3.4 CÔNG THỨC THIẾT KẾ:

- Rộng cổ = $\frac{1}{2}$ thông số
- Hạ cổ sau = thông số
- Hạ cổ trước = thông số
- Rộng vai = $\frac{1}{2}$ vai
- Hạ xuôi vai = thông số
- Ngang ngực = $\frac{1}{2}$ rộng ngực
- Hạ ngực = thông số rộng nách
- Dài tay = thông số - bo lai
- Dài áo = thông số
- Ngang lai = ngang ngực
- Hạ nách tay = $\frac{1}{10}$ ngực
- Ngang nách tay = rộng nách thân
- Cửa tay = $\frac{1}{2}$ cửa tay + 2 $\rightarrow$ 4cm
- Bo lai
 - + Cao = thông số
 - + Dài = thông số
- Trụ cổ
 - + Dài = thông số
 - + Rộng = thông số

3.5 HÌNH VẼ THIẾT KẾ:





Hình 2.3 Tay áo

3.6 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
2.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường
3.	Hình thiết kế không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dựng hình sử dụng thước chưa chính xác, bị lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Rèn luyện cách sử dụng thước cho thuần thục

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các chi tiết thân trước, thân sau, tay áo, bâu áo của sản phẩm áo thời trang, tiến hành thiết kế size M.

BÀI 4:

THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO TÀI LIỆU KỸ THUẬT SẢN PHẨM ÁO

4.1 MỤC TIÊU:

4.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm áo.

4.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm áo.

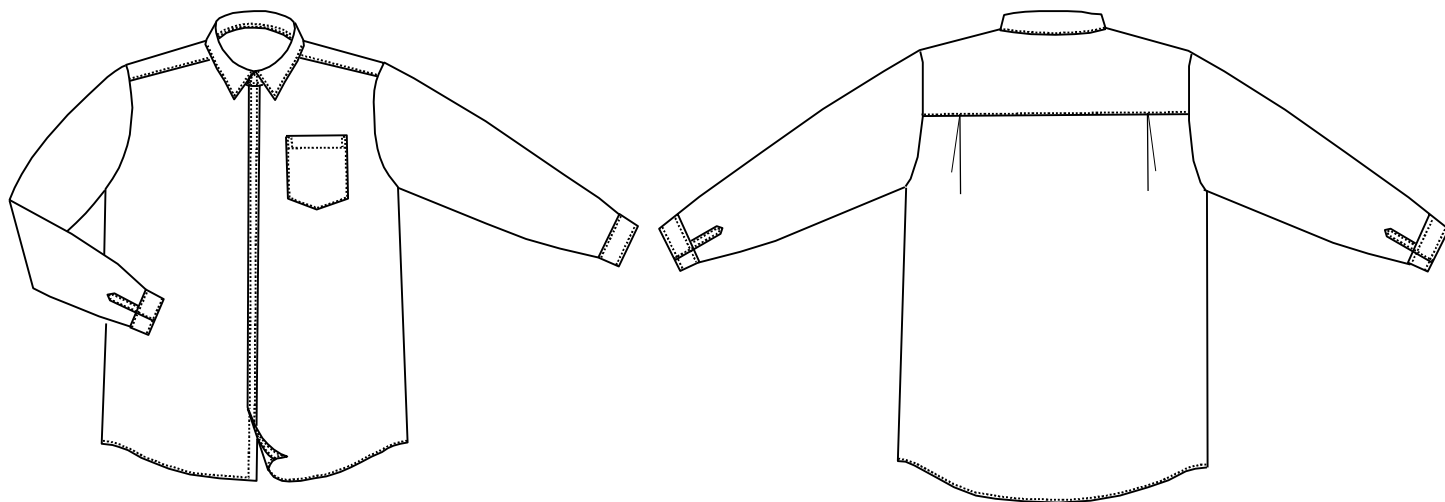
Sinh viên thiết kế đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đúng thông số kích thước, lấy dấu chính xác các vị trí cần thiết trên sản phẩm, đường nét thiết kế trơn mịn, ...

Sinh viên thiết kế đảm bảo vệ sinh công nghiệp của sản phẩm và đúng thời gian qui định.

4.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm áo nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

4.2 HÌNH VẼ MÔ TẢ PHẪNG:



Hình 4.1 Hình vẽ mô tả phẳng

4.3 BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC:

Vị trí đo	S	M	L	XL
Dài áo từ đỉnh vai	60	62	64	66
Vòng ngực	92	96	100	104
Vòng lai	94	98	102	106
Rộng vai	40	42	44	46
Rộng nách	20	21	22	23
Dài tay từ hạ vai	52	53	54	55
Dài manchette	22	24	26	28
Cao manchette	5	5	5	5

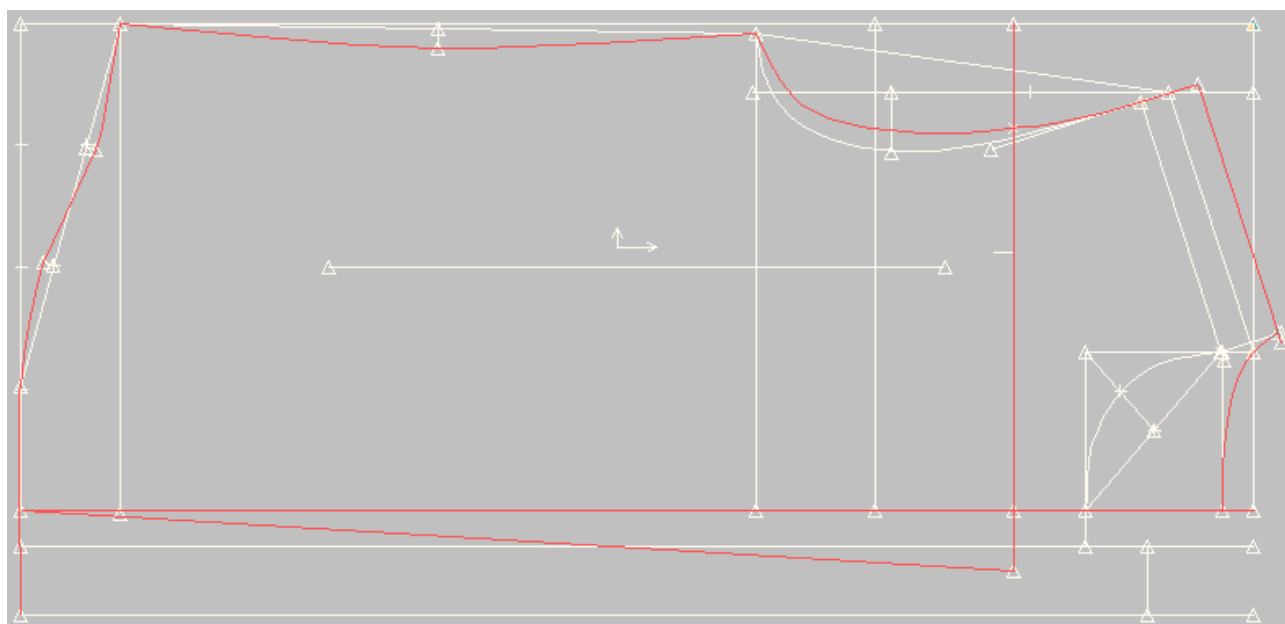
Rộng nẹp khuy	3.5	3.5	3.5	3.5
Rộng nẹp nút	2.5	2.5	2.5	2.5
Rộng cổ	15.6	16	16.4	16.8
Hạ cổ sau	1.5	1.5	1.5	1.5
Hạ cổ trước từ vai	8.2	8.4	8.6	8.8
Dài túi	12	12	13	13
Ngang túi (rộng túi)	11	11	12	12
To bản miệng túi	2.5	2.5	2.5	2.5
Hạ túi từ vai	18	19	20	21
Túi từ giữa nẹp	3.5	4	4.5	5
Dài trụ tay	15	15	15	15
To bản trụ tay	2.5	2.5	2.5	2.5
Dài đầu lá cổ	7	7	7	7
Cao giữa lá cổ	4	4	4	4
Cao giữa chân cổ	3	3	3	3
Chôm vai	3	3	3	3
Cao đô sau	10	10.5	11	11.5
To bản lai	0.6	0.6	0.6	0.6
Rộng plis sau	1.5	1.5	1.5	1.5
Sa vạt	5	5	5	5

4.4 CÔNG THỨC THIẾT KẾ:

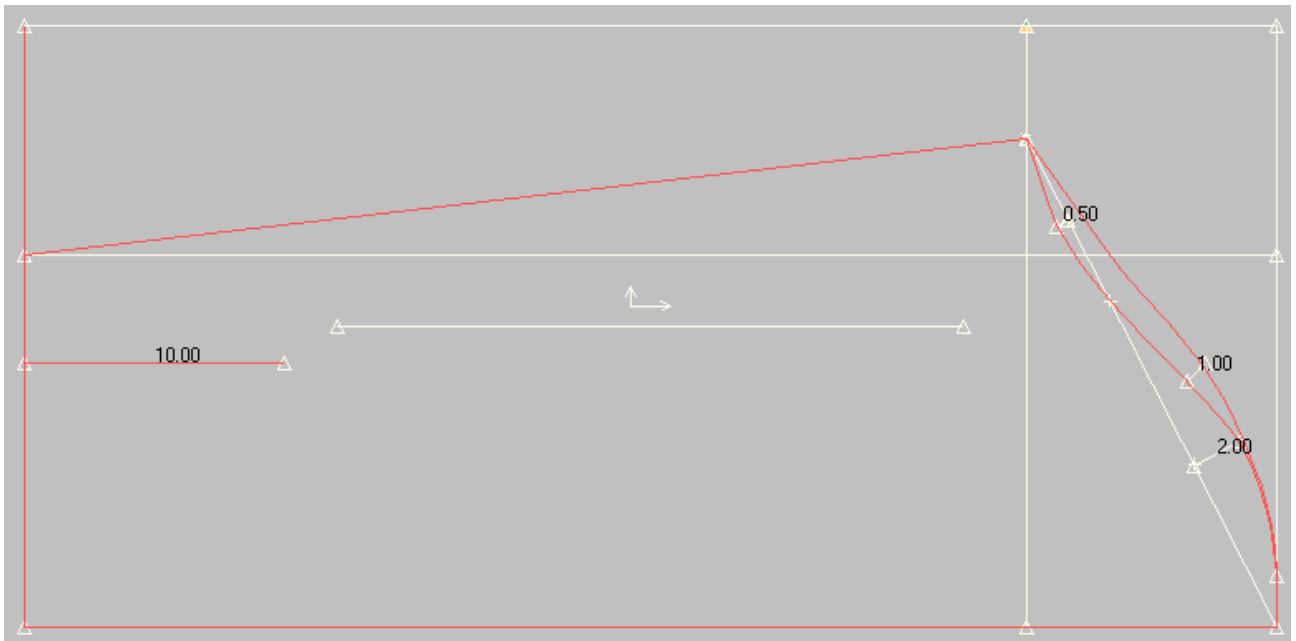
- Rộng cổ = $\frac{1}{2}$ thông số
- Hạ cổ sau = thông số
- Hạ cổ trước = thông số (tính từ vai cổ)
- Vẽ vòng cổ
- Rộng vai = $\frac{1}{2}$ thông số
- Hạ xuôi vai = $\frac{1}{10}$ vai
- Rộng ngực = $\frac{1}{4}$ ngực
- Hạ ngực = thông số rộng nách
- Vẽ vòng nách
- Vẽ chòm vai
- Dài áo = thông số (tính từ vai cổ)
- Ngang lai = $\frac{1}{4}$ lai
- Vẽ lai và sườn áo
- Rộng nẹp = $\frac{1}{2}$ thông số nẹp khuy
- Cao đô sau = thông số
- Vào plis thân sau = thông số = $\frac{1}{10}$ vai + 2cm
- Rộng plis = thông số
- Vẽ xếp plis
- Túi
 - + Hạ túi từ vai = thông số

- + Vào túi = thông số
- + Dài túi = thông số
- + Rộng túi = thông số
- Dài tay = thông số - cao manchet
- Hạ nách tay = 1/10 ngực
- Ngang nách tay = rộng nách thân
- Rộng cửa tay = (Dài manchet + xếp ply) – 1.5cm độ chồm trụ/2
- Xẻ trụ tay = rộng cửa tay/2 + xếp ply/2
- Manchette
 - + Dài = $\frac{1}{2}$ thông số
 - + Cao = thông số
- Trụ tay
 - + Dài trụ = thông số
 - + Rộng trụ = thông số
- Cổ áo
 - + Cao chân cổ = thông số
 - + Cao lá cổ = thông số
 - + Dài chân cổ = (vòng cổ trước trên thân + vòng cổ sau trên thân)/ 2

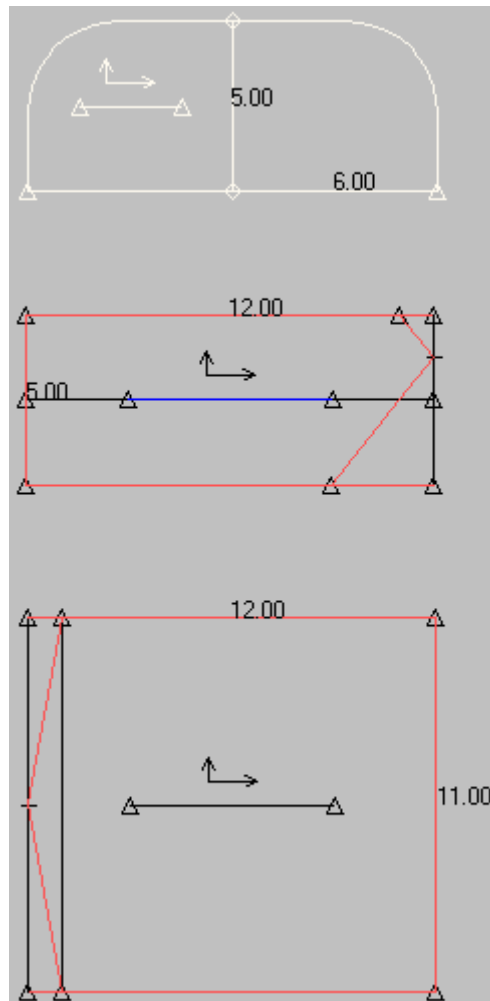
4.5 HÌNH VẼ THIẾT KẾ:



Hình 4.2 Thân trước, thân sau



Hình 4.3 Tay áo



Hình 4.4 Manchette, trụ tay, túi áo

4.6 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
2.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường
3.	Hình thiết kế không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dựng hình sử dụng thước chưa chính xác, bị lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Rèn luyện cách sử dụng thước cho thuần thục

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các chi tiết thân trước, thân sau, tay áo, bâu áo, manchette, trụ tay, túi áo của sản phẩm áo sơ mi, tiến hành thiết kế size M.

BÀI 5: **THỰC HÀNH THIẾT KẾ MẪU THEO TÀI LIỆU KỸ THUẬT SẢN PHẨM QUẦN**

5.1 MỤC TIÊU:

5.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm quần.

5.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm quần.

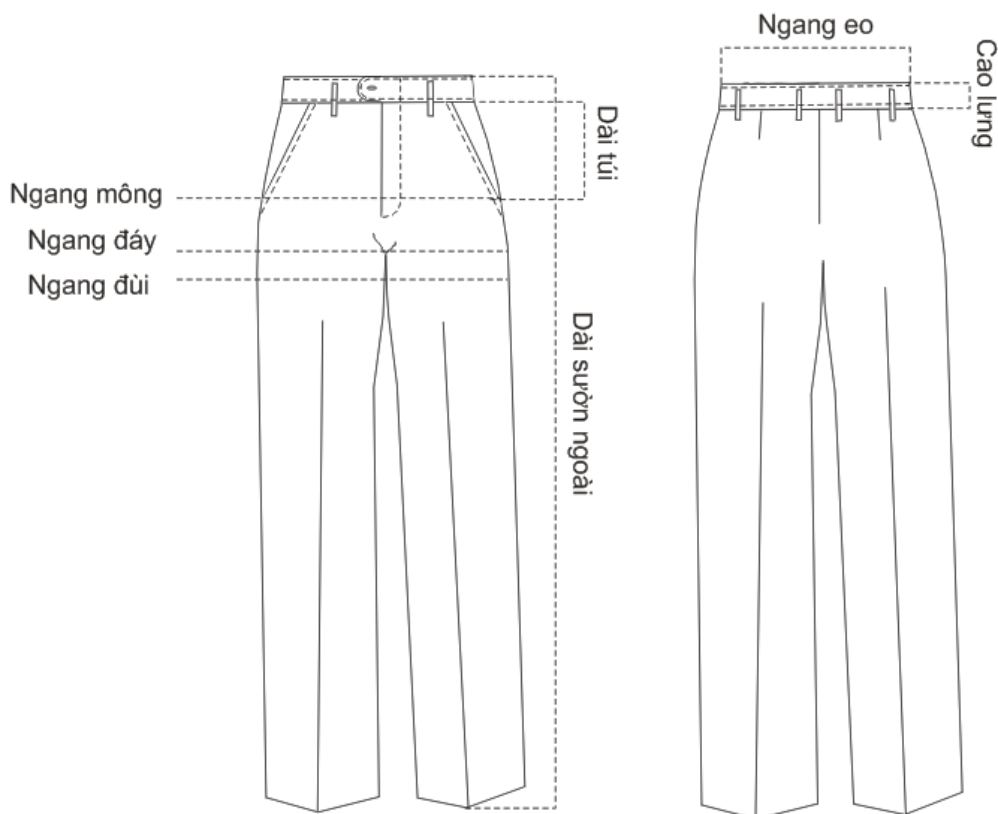
Sinh viên thiết kế đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đúng thông số kích thước, lấy dấu chính xác các vị trí cần thiết trên sản phẩm, đường nét thiết kế trơn mịn, ...

Thiết kế đảm bảo vệ sinh công nghiệp của sản phẩm và đúng thời gian qui định.

5.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế mẫu theo tài liệu kỹ thuật sản phẩm quần nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

5.2 HÌNH VẼ MÔ TẢ PHẪNG:



Hình 5.1 Hình vẽ mô tả phẳng

5.3 BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC:

Vị Trí Đo	S	M	L	XL	Dung Sai
Dài sườn ngoài (gồm lưng)	81	83	85	87	2
Đáy trước (không gồm lưng)	21	22	23	24	1
Đáy sau (không gồm lưng)	29	30	31	32	1
Vòng hông (đáy lên 7 cm)	82	86	90	94	4
Vòng eo	66	68	70	72	2
Vòng đùi (đáy xuống 2.5 cm)	50	52	54	56	2
Vòng gối (từ lưng xuống 50 cm)	36	38	40	42	2
Vòng lai	32	34	36	38	2
Cao lưng	3	3	3	3	0
Dài dây kéo	12	13	14	15	1
Rộng ply sau	2.5	2.5	2.5	2.5	0
Dài ply sau	9	10	11	12	1
Túi từ sườn	3.5	3.5	3.5	3.5	0
Dài túi	18	18	18	18	0

5.4 CÔNG THỨC THIẾT KẾ:

5.4.1 Thân trước:

- Hạ đáy trước = Thông số dài đáy trước – 1cm.
- Hạ hông = $\frac{1}{3}$ Hạ đáy.
- Hạ đùi = 2.5 Từ hạ đáy.
- Hạ gối = Sđ.
- Dài quần = Thông số dài sườn ngoài – lưng.
- Ngang hông = Vòng hông / 4.
- Rộng đáy = 3.5
- Vẽ đáy trước = Thông số
- Ngang eo = Eo / 4.
- Đường chính trung = $\frac{1}{2}$ Ngang đáy trước.
- Ngang gối = $\frac{1}{2}$ Gối – 1 → 2 cm.
- Ngang lai = $\frac{1}{2}$ Lai – 1 → 2 cm.

5.4.2 Thân sau:

- Hạ đáy sau = 1 → 1.5 Từ hạ đáy trước.
- Hạ đùi sau = 2.5 Từ hạ đùi trước.
- Ngang đùi sau = Thông số - Đùi TT.
- Ngang gối sau = Ngang gối trước + 4 cm.
- Ngang lai sau = Ngang lai trước + 4 cm.
- Ngang eo sau = $\frac{1}{4}$ Eo + xếp ply.
- Vẽ đáy sau = Thông số.
- Xếp ply sau = Rộng 2.5 cm, dài 10 cm

5.4.3 Lưng:

- AB = $\frac{1}{2}$ Eo trước = $\frac{1}{4}$ Eo.

- BC = $\frac{1}{2} Eo$ sau = $\frac{1}{4} Eo$.
- AA₁ = Đầu lưng = 3 cm.
- A₁A₂ : To bản lưng = 3 cm.
- Nối BC₁ và đánh cong 0.5cm.
- C₁D: Phần trừ hao = 4 cm.

5.4.4 Baguette:

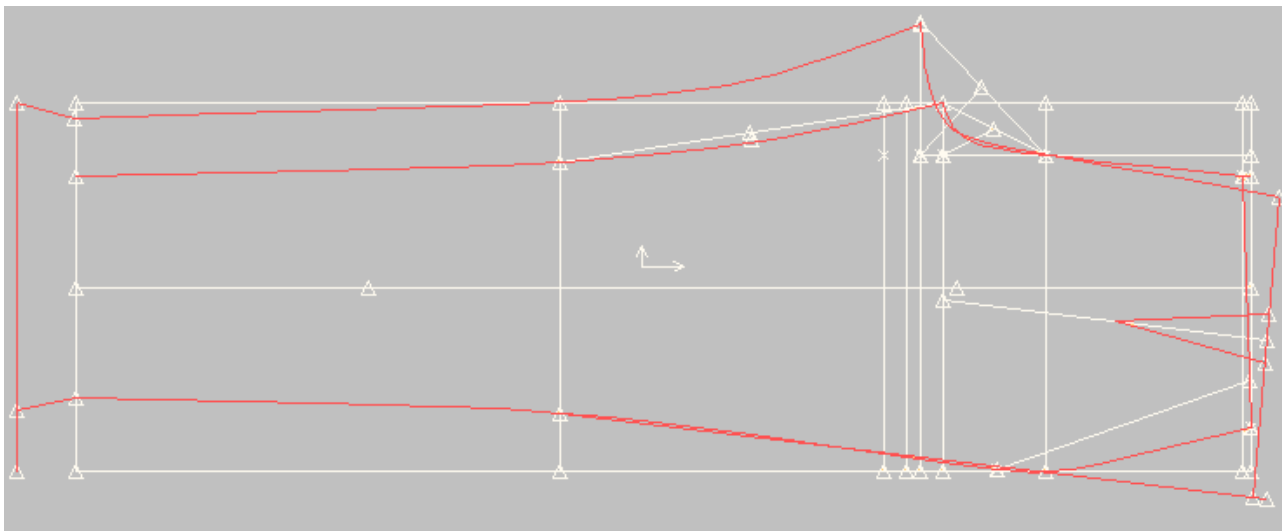
5.4.4.1 Baguette chiếc:

- AB = 16 → 18 cm.
- AC = 3 cm.

5.4.4.2 Baguette đôi:

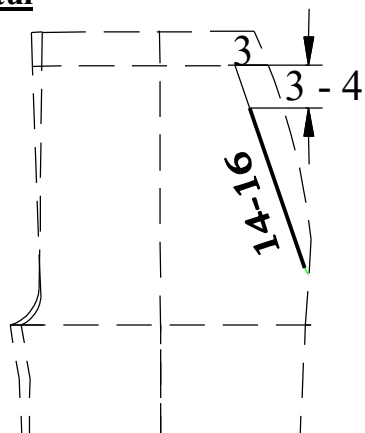
- AB = 18 → 20 cm.
- AC = 3 cm.
- BD = 2 cm.

5.5 HÌNH VẼ THIẾT KẾ:

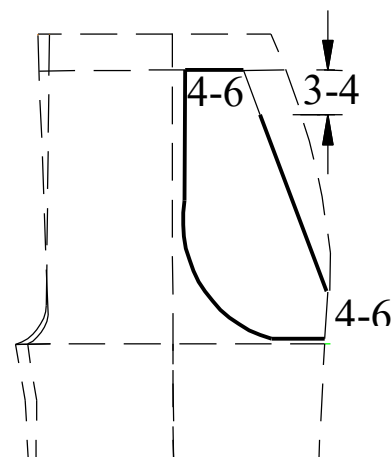


Hình 5.2 Thân trước, thân sau

+ Vị trí túi

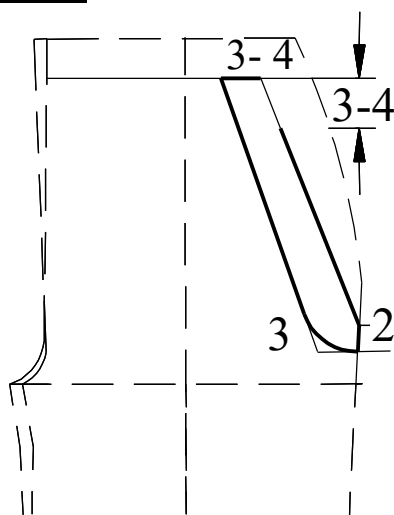


+ Đáp túi

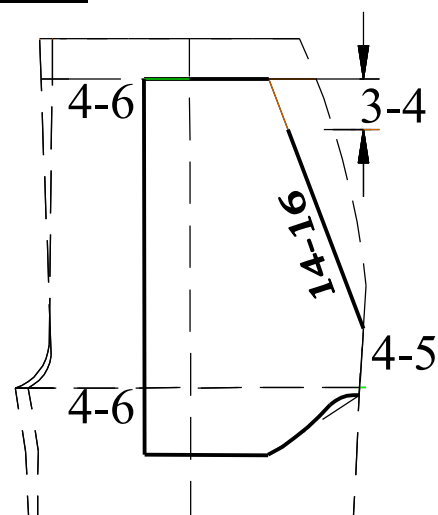


Hình 5.3 Vị trí túi, đáp túi

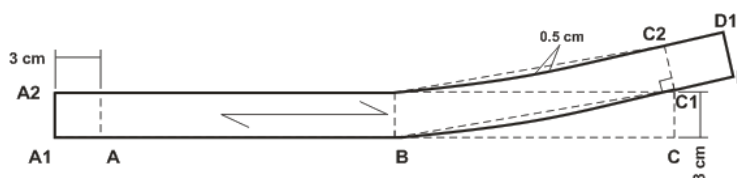
+ **Miếng túi :**



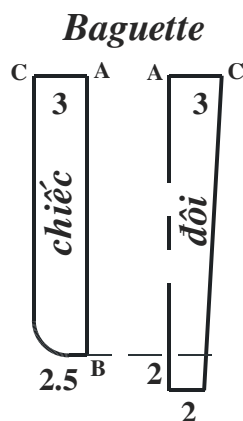
+ **Lót túi :**



Hình 5.4 Miếng túi, lót túi



Hình 5.5 Lưng quần



Hình 5.6 Baguette

5.6 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
2.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường

3.	Hình thiết kế không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dựng hình sử dụng thước chưa chính xác, bị lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Rèn luyện cách sử dụng thước cho thuần thục
----	--	--	--

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các chi tiết thân trước, thân sau, túi, lưng, baguette của sản phẩm quần âu nữ, tiến hành thiết kế size S.

BÀI 6: **THỰC HÀNH MAY MẪU SẢN PHẨM ÁO CHEMISE**

6.1 MỤC TIÊU:

6.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên phát biểu qui trình may áo chemise, phân tích những hư hỏng và biện pháp phòng ngừa.

6.1.2 Về kỹ năng:

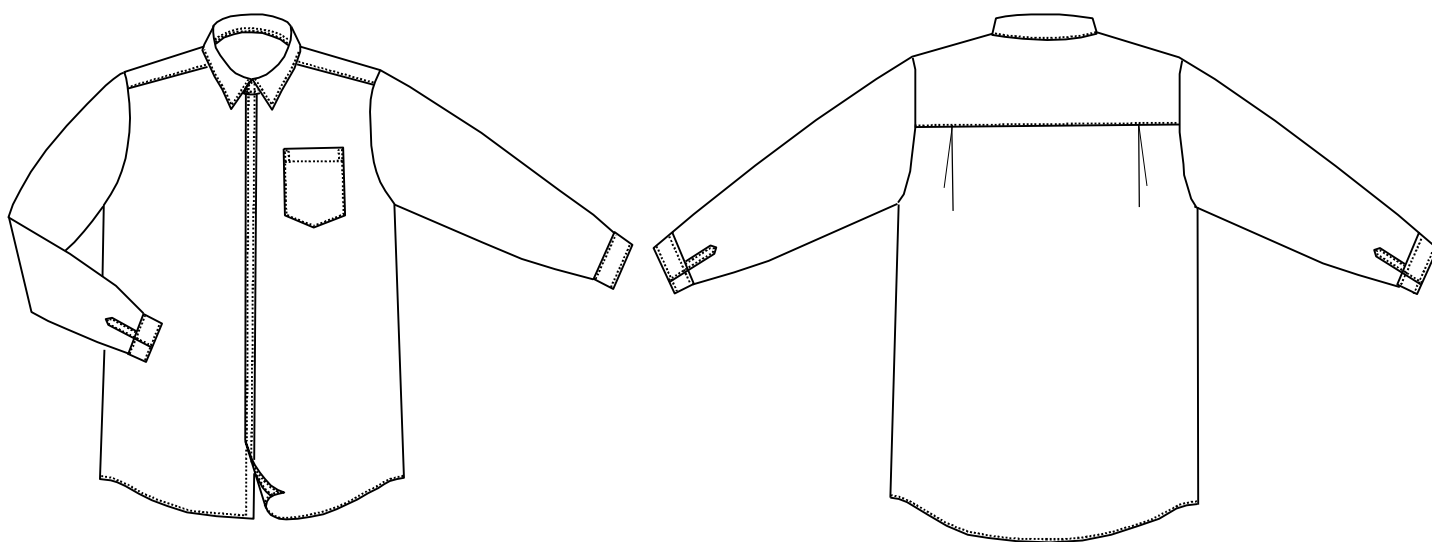
Sinh viên có khả năng may được áo chemise nam bâu tenant, đô liền, có nẹp, vạt bâu

- Hai lá bâu, hai chân bâu đối xứng, đều.
- Tra tay êm phẳng.
- Các đường may không bị cầm hay bai giãn.
- Nẹp áo phải to đều, đường diều không nhăn, không vắn.
- Lai áo phải êm thẳng, không nhăn, không sụp mí, không bai giãn.
- Túi gắn đúng vị trí.

6.1.3 Về thái độ:

Sinh viên có thái độ bảo vệ và giữ gìn máy móc, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật trong quá trình may sản phẩm.

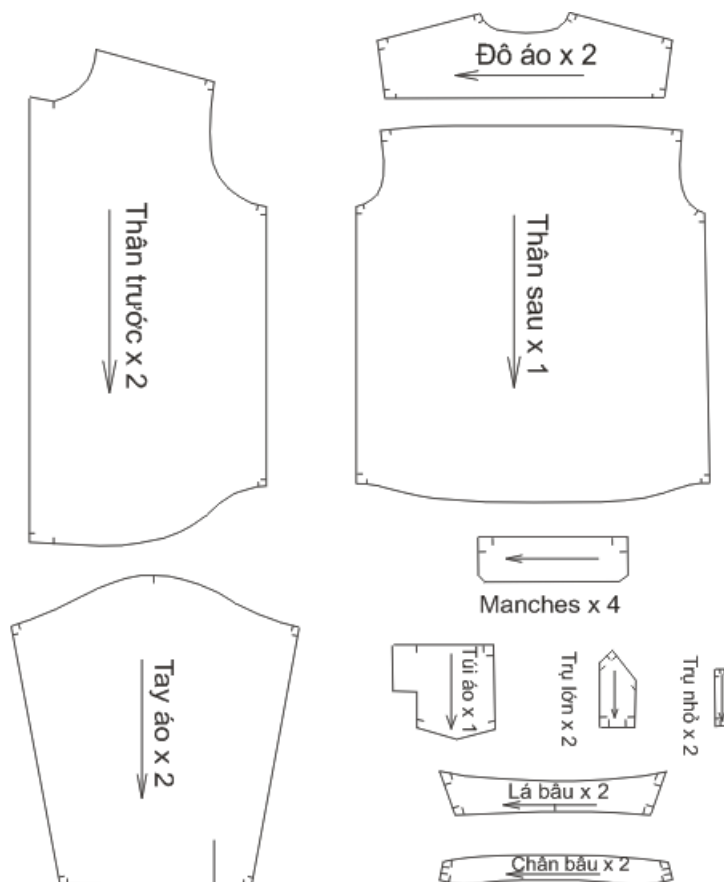
6.2 MÔ TẢ MẪU:



Hình 6.1 Mô tả mẫu

6.3 QUI TRÌNH THỰC HIỆN:

6.3.1 Rập bán thành phẩm:



Hình 6.2 Rập bán thành phẩm

6.3.2 Cấu trúc chi tiết bán thành phẩm:

- Thân trước x 2.
- Thân sau x 1.
- Tay x 2.
- Đô áo x 2.
- Túi x 1.
- Lá bầu x 2. (1 ép keo).
- Chân bầu x 2. (1 ép keo).
- Trụ tay nhỏ x 2.
- Trụ tay lớn x 2.
- Manches tay x 4. (2 ép keo).

6.3.3 Qui trình may:

STT	BƯỚC CÔNG VIỆC	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	YÊU CẦU KỸ THUẬT
		CỤM THÂN TRƯỚC	
1.	May nếp levé bên khuy	-Đặt rập thành phẩm 3cm lên đỉnh áo và ủi đỉnh áo 2 lần, lược nằm êm tạo nếp gấp, may cách mép 0,5 cm - Ủi nếp levé - May đều cạnh ngoài 0,5 cm	Nếp êm phẳng, không nhăn ,vặn đường đều
2.	May lộn nếp bên cúc	Bẻ gấp lần thứ nhất 1cm, bẻ gấp lần thứ 2 cm. May mí ngầm	Nếp êm phẳng, không nhăn ,vặn đường đều
3.	May túi đắp	-Vị trí túi : Từ cạnh đầu vai con (thành phẩm) xuống 17 cm. Túi nằm cách nếp áo 6cm, nằm bên thân trước trái. -Ủi gấp miệng túi 2,5cm, đều miệng túi 2 cm. -Ủi túi theo rập thành phẩm -Tra túi vào thân theo vị trí đã lấy dấu, mí túi 1mm xung quanh các cạnh, lại mũi đầu và cuối đường may.	-Khi may dán túi phải may theo độ chệch qui định (0,5cm về phía vòng nách), cạnh túi phía nếp phải song song và cách đều đường gấp đỉnh áo -Miệng túi phải thẳng, nếu miệng túi có nếp thì phải êm phẳng, đảm bảo độ le mí vào bên trong miệng túi. Góc đáy túi phải vuông thành sắc cạnh, h hoặc tròn đều, hai bên góc đáy túi phải đối xứng. Các đường mí, đều phải đều và song song với nhau
		CỤM THÂN SAU	
4.	May đô rời, lộn vào thân sau + sườn vai	Lấy dấu giữa đô, thân sau, may 3 lớp cách mép 1cm	Đô êm phẳng, trùng khớp thân sau
		CỤM MAY BÂU	
5.	May bầu tenant	Thực hiện trình may bầu tenant	-Hai đầu lá bầu, chân bầu phải đối xứng với

			nhau -Đảm bảo độ le mí của các chi tiết
		CỤM MAY TAY	
6.	May trụ tay nhỏ 0,5cm	May cách mép gấp 0,1cm	Đường may đều, đẹp, đúng thông số
7.	May trụ tay lớn	Thực hiện qui trình may trụ tay	
		CỤM MAY MANCHES	
8.	May lộn manches tay	Thực hiện qui trình may manchette tay	-Hai đầu manches tay phải đối xứng với nhau -Đảm bảo độ le mí của các chi tiết
		CỤM MAY RÁP	
9.	May sườn vai	May cách mép 1cm	Đường may thẳng, đều
10.	Tra bầu vào thân	Thực hiện qui trình tra bầu tenant	-Đường may mí cổ phải êm phẳng , đều , không vặn. Đường mí vừa che kín đường tra cổ -Hai đầu lá bầu, chân bầu phải đối xứng với nhau Bầu phải êm phẳng, khi mặc ôm sát vòng cổ, đứng cạnh -Đảm bảo độ le mí của các chi tiết
11.	Tra tay vô thân	Thực hiện qui trình tra tay đoạn	Tay áo êm phẳng, khớp với vòng nách trên thân
12.	Tra manches vào tay áo	Thực hiện qui trình tra manches vào tay	Manches tra phải sát đầu trụ tay, đảm bảo độ vuông góc, đường tra tay không bị sụp mí. Đảm bảo độ đối xứng 2 đầu manches, 2 đầu trụ, vị trí xếp plis của tay. Đường diềm manches phải đều, đảm bảo độ le mí vải vào bên trong.
13.	May sườn tay, sườn thân	May cách đều mép	Đường may thẳng, đều
14.	May lai vạt bầu	-Lai áo không vắt sổ	Lai áo phải êm phẳng,

		-Lược cầm vòng lai 0,5 cm -May cách mép 1mm -Cắt sát đường may còn 2 mm -May 1 đường cách mép 0,3 cm, lại mỗi 2 đầu.	không nhăn, không sụp mí, không bai giãn
15.	Làm khuy kết nút	Khoảng cách giữa các khuy và nút trên áo sơ mi thường là 8 cm	Các điểm khuy, nút phải đúng thông số, khoảng cách phải bằng nhau
16.	Vệ sinh công nghiệp	Cắt chỉ, kiểm tra	Sạch phần, chỉ
17.	Ui thành phẩm	Ui hoàn tất	Phẳng, sắc nét

6.3.4 Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp phòng ngừa:

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Đường may sườn thân không thẳng, bị cầm	Khi may không kéo thẳng vải	Khi may phải kéo thẳng vải
2.	Tra tay bị nhăn	Vòng nách tay áo, và vòng nách thân áo không khớp Khi may không kéo đều tay	Kiểm tra độ ăn khớp vòng nách tay áo, và vòng nách thân áo Khi may kéo đều tay
3.	Nẹp tay manches, thép tay không êm, phẳng	Lấy dấu, may không chính xác.	Lấy dấu, may phải chính xác
4.	Đường diễu chân bầu bị sụp mí	Khi mí chân cổ, gấp mép chân bầu trên che lấp đường tra cổ bị nhiều	Khi mí chân cổ, gấp mép chân bầu trên vừa che lấp đường tra cổ
5.	Hai đầu chân bầu và lá bầu không bằng nhau	Không lấy dấu ba điểm kỹ thuật khi may cặp lá ba	Phải lấy dấu ba điểm kỹ thuật khi may cặp lá ba
6.	Lai không đều, bị bai giãn	May không cách đều mép, do kéo quá lai giãn khi may	May phải cách đều mép, chum lai lại khi may qua các đường cong.

PHẦN II: NHẢY MẪU

BÀI 1: NHẢY MẪU SẢN PHẨM ÁO

1.1 MỤC TIÊU:

1.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về phương pháp nhảy mẫu sản phẩm áo.

1.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành phương pháp nhảy mẫu sản phẩm áo.

Sinh viên nhảy mẫu đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đủ số lượng size của sản phẩm, nhảy đủ - chính xác các điểm nhảy, ...

1.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nhảy mẫu sản phẩm áo nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

1.2 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH NHẢY MẪU:

Vị trí đo	S	M	L	XL
Dài áo từ đỉnh vai	60	62	64	66
Vòng ngực	92	96	100	104
Vòng lai	94	98	102	106
Rộng vai	40	42	44	46
Rộng nách	20	21	22	23
Dài tay từ hạ vai	52	53	54	55
Dài manchette	22	24	26	28
Cao manchette	5	5	5	5
Rộng nếp khuy	3.5	3.5	3.5	3.5
Rộng nếp nút	2.5	2.5	2.5	2.5
Rộng cổ	15.6	16	16.4	16.8
Hạ cổ sau	1.5	1.5	1.5	1.5
Hạ cổ trước từ vai	8.2	8.4	8.6	8.8
Dài túi	12	12	13	13
Ngang túi (rộng túi)	11	11	12	12
To bản miệng túi	2.5	2.5	2.5	2.5
Hạ túi từ vai	18	19	20	21
Túi từ giữa nếp	3.5	4	4.5	5
Dài trụ tay	15	15	15	15
To bản trụ tay	2.5	2.5	2.5	2.5
Dài đầu lá cổ	7	7	7	7
Cao giữa lá cổ	4	4	4	4
Cao giữa chân cổ	3	3	3	3
Chôm vai	3	3	3	3
Cao đô sau	10	10.5	11	11.5

To bản lai	0.6	0.6	0.6	0.6
Rộng plis sau	1.5	1.5	1.5	1.5
Sa vạt	5	5	5	5

1.2.1 Vẽ bán thành phẩm lên giấy mềm.

1.2.2 Chọn điểm nhảy size.

1.2.3 Chọn hướng nhảy size.

1.2.4 Nhảy size theo trục tọa độ.

1.2.5 Lập bảng qui luật nhảy size.

Xác định cự ly dịch chuyển (δ) và hướng dịch chuyển (X, Y) cụ thể như sau:

▪ Điểm 1:

○ X: Hạ cổ

$$\delta \text{ hạ cổ} = \Delta \text{ Hạ cổ} / 2$$

○ Y: Cổ định

(1)	X	Y
S	+ 0,2	0
M	0	0
L	- 0,2	0
XL	- 0,2	0

▪ Điểm 2:

○ X: Cổ định

○ Y: Vào cổ

$$\delta \text{ vào cổ} = \Delta \text{ Rộng cổ} / 2$$

(2)	X	Y
S	0	-0,2
M	0	0
L	0	+ 0,2
XL	0	+ 0,2

▪ Điểm 3:

○ X: Cổ định

○ Y: Ngang vai

$$\delta \text{ ngang vai} = \Delta \text{ rộng vai} / 2$$

(3)	X	Y
S	0	-1
M	0	0
L	0	+1
XL	0	+1

▪ Điểm 4:

○ X: Hạ ngực

$$\delta \text{ hạ ngực} = \Delta \text{ vòng ngực} / 4$$

○ Y: Ngang ngực

$$\delta \text{ ngang ngực} = \Delta \text{ vòng ngực} / 4$$

(4)	X	Y
S	+1	-1
M	0	0
L	-1	+1
XL	-1	+1

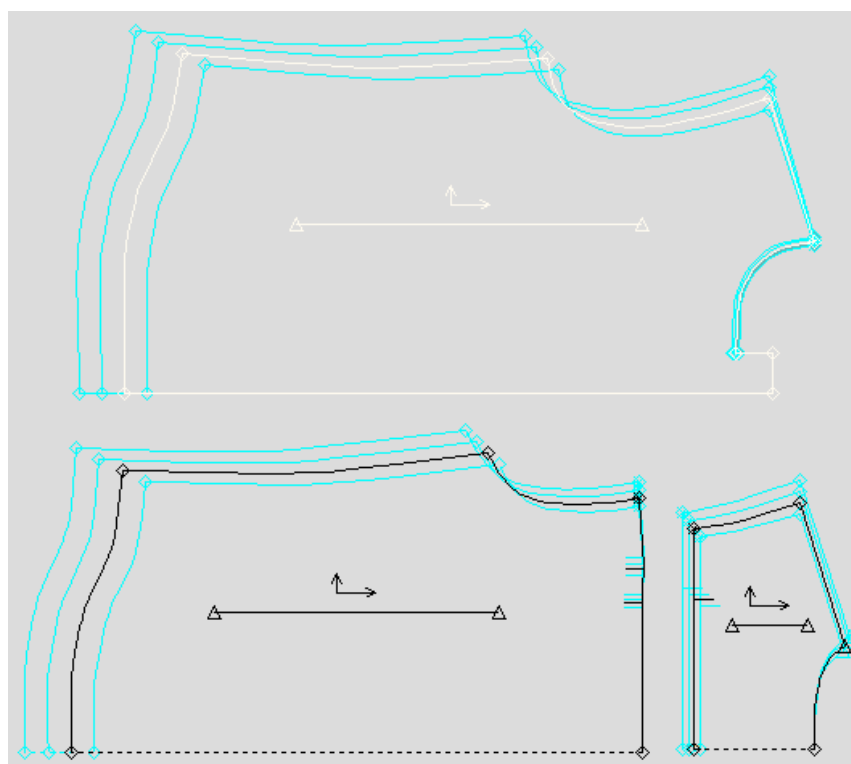
- Điểm 5:
 - X: Dài áo
 $\delta \text{ dài áo} = \Delta \text{ dài áo}$
 - Y: Ngang hông
 $\delta \text{ ngang hông} = \Delta \text{ vòng lại} / 4$

(5)	X	Y
S	+2	-1
M	0	0
L	-2	+1
XL	-2	+1

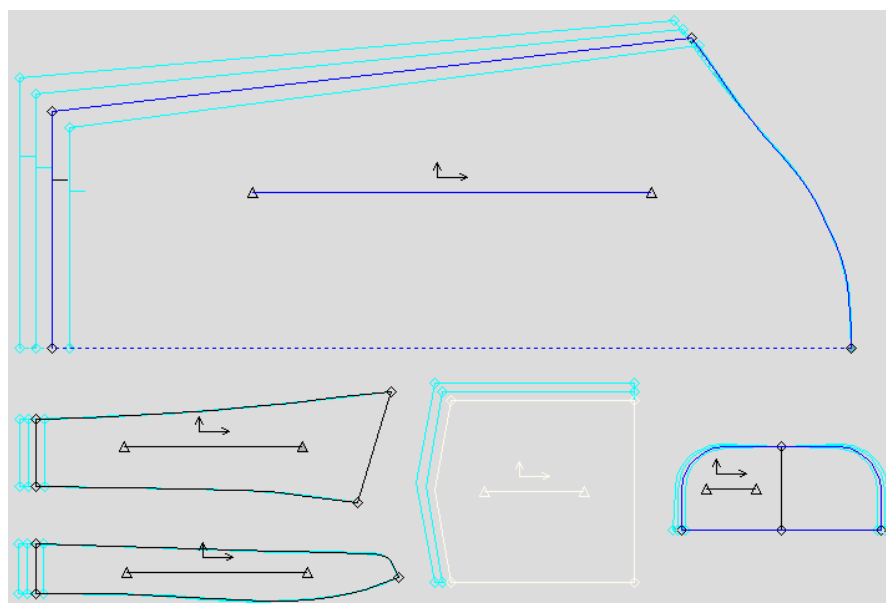
- Điểm 6:
 - X: Dài áo
 $\delta \text{ dài áo} = \Delta \text{ dài áo} = 2\text{cm}$
 - Y: Cổ định

(5)	X	Y
S	+2	0
M	0	0
L	-2	0
XL	-2	0

Lập bảng tính tương tự cho các chi tiết còn lại



Hình 1.1 Thân trước, thân sau, đô áo



Hình 1.2 Tay áo, lá bâu, chân bâu, túi áo, manchette

1.3 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Chi tiết nhảy mẫu không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dịch chuyển rập chuẩn bị sai lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Di chuyển rập chuẩn cho đều tay
2.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
3.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường

Bài tập luyện tập:

1. Tiến hành nhảy mẫu chi tiết thân trước, thân sau, tay áo, trụ tay, manchette, bâu áo của sản phẩm áo sơ mi, với bảng thông số kích thước sau:

BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC THÀNH PHẨM

Mã hàng: ASM

Stt	Vị trí cần đo	Điểm đo	Cỡ (size)					Dung Sai ±
			XS	S	M	L	XL	
1	Dài áo	Chân cổ sau đến gấu	73	75	77	79	81	
2	Ngang ngực	Đã cài nút, cách nách 2cm	54	56	58	60	62	
3	Ngang lai	Đã cài nút	54	56	58	60	62	
4	Rộng cổ	Ngang cổ	13	13.5	14	14.5	15	
5	Sâu cổ sau		2.5	3	3	3	3.5	
6	Sâu cổ trước		12	12	12	12	12	
7	Rộng vai	Ngang vai	44	46	48	50	52	
8	Dài tay	Đầu tay đến hết manchette	58	59	60	61	62	
9	Nách thẳng		19	19	20	21	22	
			14	14	14	14	15	

BÀI 2: NHẢY MẪU SẢN PHẨM QUẦN

2.1 MỤC TIÊU:

2.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về phương pháp nhảy mẫu sản phẩm quần.

2.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hành phương pháp nhảy mẫu sản phẩm quần.

Sinh viên nhảy mẫu đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đủ số lượng size của sản phẩm, nhảy đủ - chính xác các điểm nhảy, ...

2.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nhảy mẫu sản phẩm quần nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

2.2 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH NHẢY MẪU:

Vị Trí Đo	S	M	L	XL	Dung Sai
Dài sườn ngoài (gồm lưng)	81	83	85	87	2
Đáy trước (không gồm lưng)	21	22	23	24	1
Đáy sau (không gồm lưng)	29	30	31	32	1
Vòng hông (đáy lên 7 cm)	82	86	90	94	4
Vòng eo	66	68	70	72	2
Vòng đùi (đáy xuống 2.5 cm)	50	52	54	56	2
Vòng gối (từ lưng xuống 50 cm)	36	38	40	42	2
Vòng lai	32	34	36	38	2
Cao lưng	3	3	3	3	0
Dài dây kéo	12	13	14	15	1
Rộng ply sau	2.5	2.5	2.5	2.5	0
Dài ply sau	9	10	11	12	1
Túi từ sườn	3.5	3.5	3.5	3.5	0
Dài túi	18	18	18	18	0

2.2.1 Vẽ bản thành phẩm lên giấy mềm.

2.2.2 Chọn điểm nhảy size.

2.2.3 Chọn hướng nhảy size.

2.2.4 Nhảy size theo trục tọa độ.

Lập bảng qui luật nhảy sizeXác định cự ly dịch chuyển (δ) và hướng dịch chuyển (X, Y) cụ thể như sau:

▪ Điểm 1:

(1)	X	Y
S	0	0
M	0	0
L	0	0
XL	0	0

▪ Điểm 2:

(2)	X	Y
S	0	- 0,5
M	0	0
L	0	+ 0,5
XL	0	+ 0,5

▪ Điểm 3:

(3)	X	Y
S	+1	-1
M	0	0
L	-1	+1
XL	-1	+1

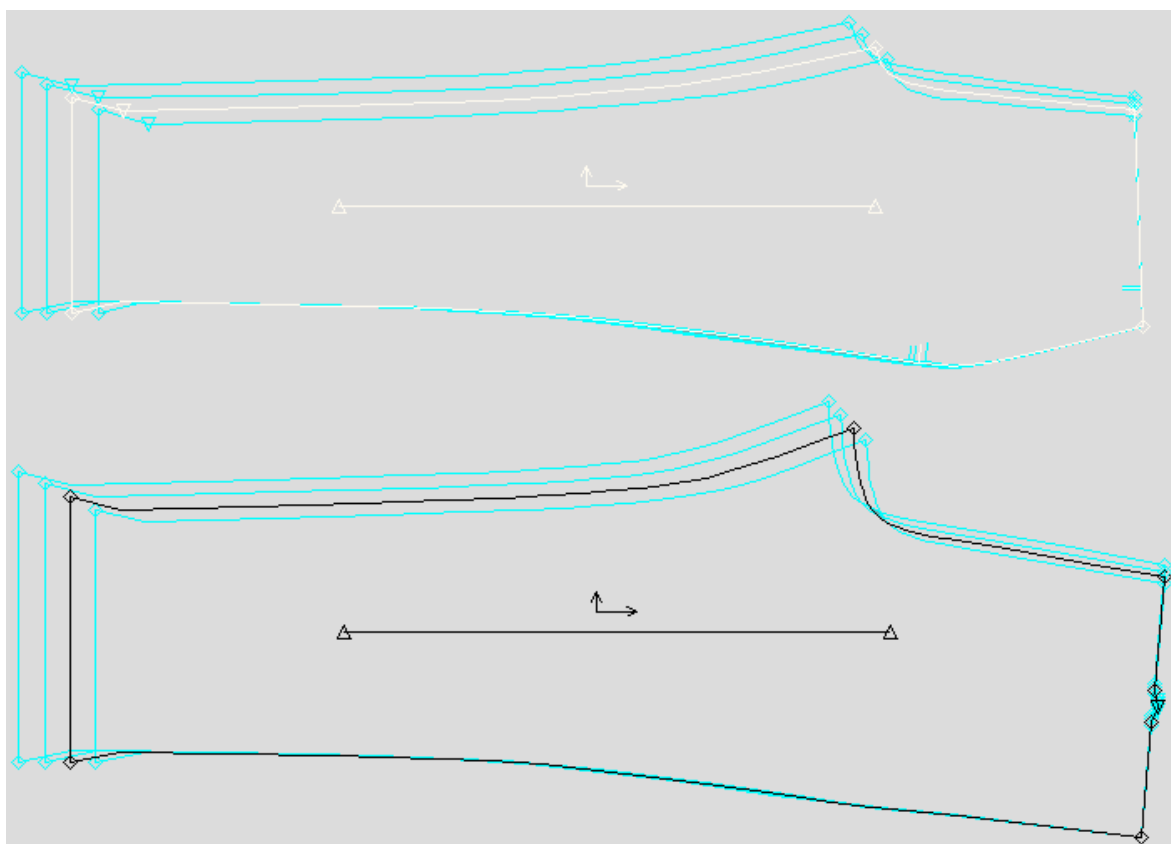
▪ Điểm 4:

(4)	X	Y
S	+2	-1
M	0	0
L	-2	+1
XL	-2	+1

▪ Điểm 5:

(5)	X	Y
S	+2	0
M	0	0
L	-2	0
XL	-2	0

Lập bảng tính tương tự cho các chi tiết còn lại



Hình 2.1 Thân trước, thân sau

2.3 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA:

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1.	Chi tiết nhảy mẫu không đúng thông số hoặc sai số trong phạm vi không cho phép	Tính toán số liệu chưa đúng Trong quá trình dịch chuyển rập chuẩn bị sai lệch	Tính toán số liệu cho chính xác trước khi dựng hình Di chuyển rập chuẩn cho đều tay
2.	Đường nét vẽ không đồng nhất	Nét vẽ không đều	Khi vẽ phải vẽ đều tay
3.	Nét vẽ không trơn	Vẽ đứt khoảng, không liên tục	Khi vẽ phải vẽ liên tục cho đến khi kết thúc 1 đường

Bài tập luyện tập:

1. Tiến hành nhảy mẫu chi tiết thân trước, thân sau, lưng, baguette, túi quần của sản phẩm quần âu, với bảng thông số kích thước sau:

	Thông Số Kích Thước	Size			
		S	M	L	XL
1	Dài sườn ngoài (gồm lưng)	81	84	87	90
2	Đáy trước (không gồm lưng)	21	22	23	24
3	Đáy sau (không gồm lưng)	29	30	31	32
4	Vòng mông (đáy lên 7 cm)	82	86	90	94
5	Vòng eo	66	68	70	72
6	Vòng đùi (đáy xuống 2.5 cm)	50	52	54	56
7	Vòng gối (từ lưng xuống 50 cm)	36	38	40	42
8	Vòng lai	32	33	34	35
9	Cao lưng	3	3	3	3
10	Dài dây kéo	12	13	14	15
11	Rộng ply sau	2.5	2.5	2.5	2.5
12	Dài ply sau	9	10	11	12
13	Túi từ sườn	3.5	3.5	3.5	3.5
14	Dài túi	18	18	18	18

PHẦN III: GIÁC SƠ ĐỒ

BÀI 1:

GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN LOẠI VẢI TRƠN, VẢI MỘT CHIỀU

1.1 MỤC TIÊU:

1.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên có kiến thức về phương pháp giác sơ đồ trên loại vải trơn, vải một chiều

1.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên thực hiện phương pháp giác sơ đồ trên loại vải trơn, vải một chiều.

Sinh viên giác sơ đồ đúng theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm: đảm bảo đúng canh sợi của chi tiết sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, đầy đủ các chi tiết sản phẩm, ...

1.1.3 Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp giác sơ đồ trên loại vải trơn, vải một chiều nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

1.2 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH GIÁC SƠ ĐỒ:

- Đặt giấy trên bàn phẳng.
- Kẻ khung sơ đồ thật vuông góc.
- Chọn một cạnh dài của sơ đồ làm biên chuẩn và tiến hành giác mẫu cứng. Khi giác ta tiến hành giác các chi tiết lớn trước, chi tiết nhỏ sau. Đặt các chi tiết từ bên biên bắt mép sang bên không bắt mép, từ bên đầu cố định của sơ đồ sang đầu không cố định sau cho kín. Những chi tiết giác sau: túi, cổ, pass tay ..., ta cho vào những chỗ trống còn lại. Lưu ý: Khi đặt các chi tiết sao cho các chi tiết nằm gọn trong hình chữ nhật, thẳng canh sợi và trên mặt phẳng sơ đồ không có những khoảng trống bất hợp lý.
- Sau khi đặt đầy đủ các chi tiết mẫu cứng của sản phẩm đã thấy kín một cách hợp lý, ta dùng bút sắc nét kẻ theo mẫu cứng thật chính xác. Kẻ xong chi tiết nào thì ghi ngay ký hiệu của chi tiết đó trên mẫu.



Hình 1.1 Sơ đồ sản phẩm áo sơ mi

1.3 NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA:

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN HƯ HỎNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1	Định mức sơ đồ thấp	Sơ đồ có nhiều khoảng trống bất hợp lý	Sắp xếp các chi tiết sát vào nhau
2	Chi tiết bị thiêng canh	Đặt hướng canh sợi của chi tiết không song song với chiều dài hoặc chiều rộng của sơ đồ	Đặt chi tiết sao cho đường canh sợi song song với chiều dài hoặc chiều rộng của sơ đồ
3	Chi tiết bị cán mép	Do cố gắng rút định mức	Khi sắp xếp các chi tiết không được cán mép

Bài tập luyện tập:

1. Tiến hành giác sơ đồ của sản phẩm quần âu, trên loại vải trơn, vải 1 chiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Th.s Trần Thanh Hương – Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.Hồ Chí Minh. *Giáo trình môn học qui trình công nghệ sản xuất hàng may mặc công nghiệp*.
2. Trường CĐ Vinatex. *Giáo trình chuẩn bị sản xuất*.
3. Đào tạo kỹ thuật công nghệ may Trường Quốc Thảo – *Kỹ thuật thiết kế rập công nghệ may - Kỹ thuật thiết kế rập*.
4. Trường ĐH Công Nghiệp Tp.Hồ Chí Minh – *Giáo trình môn học thiết kế trang phục 3*. Nhà xuất bản thông kê, 9/2006.